

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HC-PT

Ngày 10-01-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với
trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi Nhà
nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình.

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 275/2017/TLPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 821/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm: 1957; cư trú tại: phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 17/3/2017): Ông Trần Minh T; chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt và có đơn ghi ngày 03 tháng 01 năm 2018 xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Khoa N, sinh năm: 1981; địa chỉ: phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là ông Nguyễn Viết Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Nguyễn Viết Đ trình bày:

Năm 2011, ông nhận được Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 (Sau đây viết là Quyết định số 1567) của Ủy ban nhân dân (Sau đây viết là UBND) thành phố P thu hồi 105m² đất có nhà ở tại đô thị thuộc phường M, thành phố P (thửa đất số 24h tờ bản đồ địa chính số 2), giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch khu đô thị mới B thành phố P (Sau đây viết là Khu K1). Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông được thực hiện theo Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 của UBND thành phố P (Sau đây viết là Quyết định số 1677) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 33.876.000 đồng, giá bồi thường thu hồi đất là 70.000 đồng/m² cho đất có nhà ở tại đô thị và không hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật. Không đồng ý với quyết định thu hồi đất, ông đã khiếu nại Quyết định số 1567 liên tục đến nay nhưng không được UBND thành phố P giải quyết khiếu nại theo luật định. Đến thời điểm hiện nay, ông chưa nhận tiền bồi thường và chưa được nhận hỗ trợ tái định cư của người có đất bị thu hồi.

Ông Đ cho rằng việc thu hồi đất đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Việc thực hiện quy hoạch Khu K1 vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 5 Điều 71 và Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường và các điều 19, 20, 22, 23, 24, 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tuyên hủy Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ của ông khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu K1 (Sau đây viết là Quyết định số 864).

Người đại diện theo ủy quyền của UBND Thành phố P ông Trần Minh T có bản trình bày ý kiến ngày 30/5/2017:

Quyết định số 1567/QĐ – UBND ngày 23/3/2011 về việc thu hồi thửa đất số 24h, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 105m² phường M của hộ ông Nguyễn Viết Đ sử dụng để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1 được ban hành trên cơ sở: căn cứ Điều 60 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Ninh Thuận về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 về áp dụng thu

tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với dự án đầu tư; thực hiện các Thông báo của UBND tỉnh Ninh Thuận số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010, số 53/TB-UBND ngày 1/7/2010, số 21/TB-UBND ngày 14/3/2011 về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu Khu K1; xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 548/TTr – TNMT ngày 22/3/2011. Như vậy, việc ban hành Quyết định số 1567/QĐ – UBND ngày 23/3/2011 là phù hợp theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 58, Điều 63 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Ninh Thuận; căn cứ Quyết định số 33/QĐ – UBND ngày 23/02/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định giá đất ở trung bình tại khu vực thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới B thành phố P là 882.000 đồng/m²; căn cứ các bảng giá nhà ở công trình, vật kiến trúc giá hoa màu tại thời điểm 2012 cụ thể là tại các Quyết định số 33/2011/QĐ – UBND ngày 15/8/2011 của UBND tỉnh quy định về giá vật kiến trúc, Quyết định số 204/QĐ – UBND ngày 04/3/2010 của UBND tỉnh quy định về giá hoa màu; căn cứ các điều khoản về hỗ trợ khác của UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 2380/2010/QĐ – UBND ngày 21/12/2010; xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại tờ Trình số 570/TTr – TNMT ngày 23/3/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1584/QĐ – UBND ngày 23/3/2011 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1 và ban hành Quyết định số 1677/QĐ – UBND ngày 28/3/2011 về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1 với tổng số tiền bồi thường là 33.876.000 đồng (trong đó bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ).

UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 về việc quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 về việc điều chỉnh đơn giá đất ở trung bình để hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường không quá 750m² khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1, xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại tờ Trình số 619/TTr – TNMT ngày 10/5/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 836/QĐ – UBND ngày 12/5/2016 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất cho 79 hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1 và Quyết định số 864/QĐ – UBND ngày 12/5/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1 với tổng số tiền bồi thường là 7.224.000 đồng (trong đó bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ) phù hợp theo quy định pháp luật. Việc ông Nguyễn Viết Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 864/QĐ – UBND ngày 12/5/2016 là không có căn cứ chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết Đ về việc:

Hủy Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Nguyễn Viết Đ khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu đô thị mới B thành phố P (khu K1).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, ông Đ kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 864; hủy Quyết định số 1567, Quyết định số 1677, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1762/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND thành phố P và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2330/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận; buộc UBND thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông theo quy định pháp luật đất đai hiện hành. Ông Đ cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi không công nhận Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường ngày 07/9/2010, Biên bản giao Quyết định ngày 16/10/2012 và Biên bản vận động bàn giao mặt bằng ngày 28/7/2015 là chứng cứ của vụ án; các cơ quan có thẩm quyền vi phạm quy định về thủ tục thu hồi đất, các bước triển khai bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, điều kiện cưỡng chế thu hồi đất, cụ thể: Thông báo thu hồi đất số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010, Thông báo số 53/TB-UBND ngày 01/7/2010, Thông báo số 21/TB-UBND ngày 14/3/2011 vi phạm Luật Đất đai năm 2003; UBND đã áp dụng thiếu chính sách hỗ trợ và sai nội dung Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của người khởi kiện, đất của ông bị thu hồi nằm trong vùng ưu tiên nhưng không được hỗ trợ đúng; ông không được tham gia kiểm kê, đo đạc hiện trường; Có vi phạm về thực hiện thủ tục giao quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất; có vi phạm về trình tự, thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ông không được vận động, thuyết phục bàn giao đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không thay đổi, bổ sung hay rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án. Người bị kiện giữ nguyên Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ trình bày:

Các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông chỉ khởi kiện Quyết định 864. Ông bổ sung thêm yêu cầu hủy Quyết định số

2380 ngày 21/12/2010 đã hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, Quyết định 64 ngày 15 tháng 6 năm 2016. Ông khiếu nại việc thu hồi đất liên tục đến nay và có 24 đầu báo trong đó có báo Công lý và xã hội, kênh truyền hình VTC1 nói về sai phạm của Khu K1 nhưng các cơ quan có liên quan vẫn không xem xét giải quyết khiếu nại của ông. Là doanh nghiệp đầu tư kinh doanh theo khoản 2 Điều 58 Nghị định số 68 của Chính phủ, được các quyết định số 48, 297, 1170 giao cho đầu tư và nộp tiền vào ngân sách, Công ty X không bồi thường bằng tiền ngân sách nên phải bồi thường theo giá thỏa đáng, không thể bồi thường đất ở đô thị bằng cách áp giá đất nông nghiệp được. Ngoài ra, việc cưỡng chế được triển khai trong khi ông chưa nhận được bồi thường, hỗ trợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đều được ban hành đúng pháp luật. Do giá đất thay đổi nên bồi thường bổ sung theo danh mục giá Nhà nước ban hành. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì các quyết định ông Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện không nằm trong nội dung đơn khởi kiện ban đầu và yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 21/02/2017, ông Nguyễn Viết Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ của ông khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu K1. Căn cứ khoản 1, 2 và 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì Quyết định số 864 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Người bị kiện là UBND Thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 20/5/2007, ông Nguyễn Viết Đ nhận chuyển nhượng 105m² đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn C, mục đích sử dụng là đất hàng năm khác (HNK). Ngày 23/3/2011, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1567 thu hồi của hộ ông Đ 105m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 24h, tờ bản đồ địa chính số 2 tại phường M, Thành phố P. Ngày 28/3/2011, UBND Thành phố P ban hành Quyết định số 1677 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Đ với tổng số tiền là 33.876.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hộ ông Đ bị thu hồi đất trồng cây hàng năm (vị trí 2). Tại thời điểm thu hồi, giá đất trồng cây hàng năm (vị trí 2) trên địa bàn phường M là 60.000 đồng/m², được quy định tại Quyết định số 2388/2010/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Theo Bảng giá đất được ban hành kèm Quyết định số

92/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Ninh Thuận thì giá đất nông nghiệp trong đô thị, trong khu dân cư nông thôn và đất vườn ao liền kề đất ở nhưng không được công nhận là đất ở có đơn giá 70.000 đồng/m². Do có sự chênh lệch về đơn giá đất giữa hai văn bản này nên UBND thành phố P đã quyết định bồi thường bổ sung cho hộ ông Đ thêm 10.000 đồng/m².

[4] Ngoài ra, khoản 2 Điều 30 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định “Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm”. Giá đất ở trung bình cho dự án được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 13/01/2011 là 799.000 đồng/m², nên hộ ông Đ được hỗ trợ 240.000 đồng/m². Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường không quá 750m² với đơn giá là 298.800 đồng/m². Do có sự chênh lệch về tiền hỗ trợ giữa hai văn bản này nên UBND thành phố P đã quyết định hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Đ 58.800 đồng/m².

[5] Những nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Đ đã được ghi cụ thể, rõ ràng trong Quyết định số 864. Chủ tịch UBND thành phố P thay mặt UBND ký ban hành Quyết định số 864 là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, đúng thủ tục, trình tự ban hành theo quy định của pháp luật. Quyết định số 864 căn cứ vào sự chênh lệch về giá đất và tiền hỗ trợ giữa các văn bản đã có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh chênh lệch giá theo hướng bồi thường, hỗ trợ thêm cho ông Đ, là đảm bảo quyền lợi cho ông Đ, đảm bảo tính hợp pháp, đúng đắn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đề nghị hủy Quyết định số 864 là có căn cứ. Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ và luận cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[6] Ông Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi không công nhận Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường ngày 07/9/2010, Biên bản giao Quyết định ngày 16/10/2012 và Biên bản vận động bàn giao mặt bằng ngày 28/7/2015 là chứng cứ của vụ án, không chuyển cho cơ quan điều tra xem xét việc giả mạo chứng cứ trong hai văn bản này. Tuy nhiên, vấn đề ông Đ nêu không ảnh hưởng đến việc xem xét tính pháp lý của việc ban hành Quyết định số 864 và Bản án sơ thẩm, Biên bản phiên tòa sơ thẩm cũng không ghi nhận nội dung như ông trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận ý kiến này của ông.

[7] Ông Đ cho rằng các cơ quan có thẩm quyền vi phạm thủ tục thu hồi đất, các bước triển khai bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, điều kiện cưỡng chế thu hồi đất như sau: Thông báo thu hồi đất số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010, Thông báo số 53/TB-UBND ngày 01/7/2010, Thông báo số

21/TB-UBND ngày 14/3/2011 vi phạm Luật Đất đai năm 2003, UBND đã áp dụng thiếu chính sách hỗ trợ và sai nội dung Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của người khởi kiện, đất của ông bị thu hồi nằm trong vùng ưu tiên nhưng không được hỗ trợ đúng, ông không được tham gia kiểm kê, đo đạc hiện trường. Từ đó, ông yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1567, Quyết định số 1677, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1762/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND thành phố P và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2330/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận, đề nghị buộc UBND thành phố P tỉnh Ninh Thuận thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Các yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu vì tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ xác định ông chỉ khởi kiện Quyết định số 864 nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của ông liên quan đến Quyết định số 864. Mặc khác, tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2017/QĐST-HC ngày 09/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xác định thời hiệu khởi kiện của ông Đ đối với Quyết định số 1567 và Quyết định số 1677 đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính 2015, các Quyết định nêu trên đã có hiệu lực pháp luật. Hơn nữa, như phân tích trên, các quyết định ông Đ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy ở trong tổng thể các hoạt động về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Đ, đơn đề ngày 18 tháng 9 năm 2017 về việc bổ sung chứng cứ và văn bản của đơn khởi kiện cùng lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[10] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Viết Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết Đ về việc hủy Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Nguyễn Viết Đ khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu đô thị mới B thành phố P (Khu K1).

Ông Nguyễn Viết Đ phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013797 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), HTKN, 13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh